

## THÁCH THỨC TRONG THỰC HIỆN REDD+ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

**Trần Thị Thu Hà**

*TS. Trường Đại học Lâm nghiệp*

### TÓM TẮT

REDD+ là cơ chế nhằm cung cấp những sự đền đáp về tài chính để tránh mất rừng và suy thoái rừng đồng thời tạo ra sự kích thích quản lý rừng bền vững; bảo tồn đa dạng sinh học và duy trì dịch vụ môi trường; cải thiện sinh kế cho người dân và cộng đồng người địa phương sống phụ thuộc vào rừng ở các nước đang phát triển. Nghiên cứu sử dụng các nguồn thông tin thứ cấp về vấn đề có liên quan với mục tiêu đánh giá những thách thức trong thực hiện REDD+ ở Việt Nam, trên cơ sở đó đưa ra những vấn đề về chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam cần phải giải quyết để có thể thực hiện và hưởng lợi ích từ REDD+. Kết quả nghiên cứu đã bước đầu gợi mở ra những vấn đề về chính sách lâm nghiệp cần tiếp tục nghiên cứu và quan tâm giải quyết trong bối cảnh tiến tới thực hiện REDD+ ở Việt Nam. Những vấn đề quan trọng đặt ra hiện nay chính là sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các chính sách về chia sẻ lợi ích, các đảm bảo về môi trường và xã hội, quyền các-bon, cơ chế quản lý tài chính của các dự án REDD+ và thu hút sự tham gia của cộng đồng và người dân địa phương vào các hoạt động quản lý và bảo vệ rừng.

**Từ khoá:** *Biến đổi khí hậu, chính sách lâm nghiệp, sáng kiến REDD+.*

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sáng kiến REDD (Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng) đã được đưa vào chương trình nghị sự Công ước khung của Liên hiệp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) trong Hội nghị các bên (COP) lần thứ 11 năm 2005. Mặc dù còn nhiều thách thức, nhưng sáng kiến này vẫn đạt được sự đồng thuận lớn của các thành viên công ước và REDD được coi là một công cụ quan trọng để giảm thiểu biến đổi khí hậu. REDD đã được COP-13 của UNFCCC đưa vào lộ trình Bali và đã chính thức được mở rộng thành REDD+. Đây là cơ chế nhằm cung cấp những sự đền đáp về tài chính để tránh mất rừng và suy thoái rừng đồng thời tạo ra sự kích thích quản lý rừng bền vững; bảo tồn đa dạng sinh học và duy trì dịch vụ môi trường; cải thiện sinh kế cho người dân và cộng đồng người địa phương sống phụ thuộc vào rừng ở các nước đang phát triển. Năm 2009, REDD+ được đưa vào Hiệp ước Copenhagen tại COP-15 và được nhiều nước thành viên, trong đó có Việt Nam hoàn toàn ủng hộ.

Việt Nam là một trong năm quốc gia trên thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Kể từ khi Hội nghị về Biến đổi khí hậu ở Bali năm 2007, xác định tầm quan trọng của rừng đối với việc giảm thiểu biến đổi khí hậu và chính thức đồng ý lồng ghép sáng kiến REDD+ vào các đàm phán cho thời kỳ sau năm 2012, Chính phủ Việt Nam đã nhanh chóng áp dụng và triển khai Khung chương trình REDD+. Nếu được thực hiện ở Việt Nam REDD+ có thể tạo ra khoảng 80-100 triệu USD/năm, gấp 3-4 lần hỗ trợ ODA hiện có đối với ngành lâm nghiệp (Chương trình UN-REDD, 2009). Cơ hội và triển vọng cho REDD+ ở Việt Nam là rất lớn, tuy nhiên, tiềm năng có biến thành hiện thực hay không phụ thuộc rất nhiều vào năng lực thực thi của quốc gia, nắm bắt cơ hội và vượt qua được các khó khăn và thách thức. Mục tiêu của nghiên cứu là trên cơ sở đánh giá những khó khăn và thách thức khi thực hiện REDD+ ở Việt Nam từ đó đưa ra những vấn đề về chính sách lâm nghiệp cần phải giải quyết để REDD+ thật sự trở thành một công cụ hữu hiệu trong giảm thiểu biến đổi khí hậu trong bối cảnh phát triển lâm nghiệp Việt Nam.

## **II. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Đối tượng của nghiên cứu là các yêu cầu khi thực hiện REDD+ được thể hiện thông qua những thách thức mà Việt Nam phải đối mặt và những vấn đề về chính sách lâm nghiệp cần phải giải quyết trong bối cảnh tiến tới thực hiện REDD+ ở Việt Nam. Nội dung nghiên cứu bao gồm: (i) những điều kiện thuận lợi và cơ hội của Việt Nam khi thực hiện REDD+; (ii) những khó khăn và thách thức của Việt Nam khi thực hiện REDD+; (iii) những vấn đề về chính sách đặt ra cho Việt Nam trong thực hiện REDD+.

Nghiên cứu được thực hiện chủ yếu dựa vào nguồn thông tin thứ cấp là các báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tổng cục Lâm nghiệp, Chương trình UN-REDD và các kết quả nghiên cứu của các cá nhân và tổ chức về các vấn đề liên quan đến chính sách lâm nghiệp và REDD+. Các phân tích đánh giá của tác giả dựa trên quan điểm cá nhân, kinh nghiệm và sự hiểu biết về REDD+ và chính sách lâm nghiệp của Việt Nam khi tham gia vào các chương trình và dự án về lâm nghiệp và biến đổi khí hậu.

## **III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THẢO LUẬN**

### **3.1. Những điều kiện thuận lợi và cơ hội của Việt Nam khi thực hiện REDD+**

*Một là*, việc thực hiện REDD+ ở Việt Nam nhận được sự quan tâm và cam kết thực hiện như là một trong những biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển lâm nghiệp bền vững của Chính phủ. Việt Nam đã sớm ký kết tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) và đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu. Chính phủ Việt Nam đã thể hiện rõ quyết tâm thực hiện REDD+ bằng việc phê duyệt và ban hành Chương trình hành động quốc gia về “Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy

thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng cac-bon rừng”. Chương trình hành động này cũng đã được cụ thể hoá bằng việc phê duyệt Đề án quản lý phát thải gây hiệu ứng nhà kính; quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ cac-bon ra thị trường thế giới.

*Hai là*, chương trình quốc gia của Việt Nam về ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với các chiến lược và chương trình hiện hành và các cam kết quốc tế mà chính phủ Việt Nam đã ký kết. Năm 2007 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020; Năm 2008 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu; Năm 2011 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu. Ở cấp độ quốc tế, Việt Nam đã ký kết Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Nghị định thư Kyoto và Công ước về đa dạng sinh học. Việt Nam cũng đã áp dụng “Công cụ không mang tính ràng buộc pháp lý về tất cả các loại rừng của Diễn đàn Liên hợp quốc về Lâm nghiệp (UNFF). Có thể nói chương trình quốc gia của Việt Nam về thực thi REDD+ hoàn toàn phù hợp với quan điểm, mục tiêu và các hoạt động của các chiến lược và chương trình về lâm nghiệp mà chúng ta đang thực hiện và các cam kết quốc tế mà Chính phủ Việt Nam đã ký kết.

*Ba là*, Việt Nam đã có kinh nghiệm về xây dựng hệ thống phân chia lợi ích từ chương trình thí điểm và hoàn thiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và các chương trình trồng rừng quốc gia. Một trong những yêu cầu khi áp dụng REDD+ là phải thiết kế một hệ thống phân chia lợi ích minh bạch và công bằng. Việt Nam có điều kiện phù hợp để xây dựng hệ thống phân chia lợi ích theo cơ chế REDD+ vì đã có kinh nghiệm với các hệ thống tương tự như các chương trình thí điểm và thực

hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng. Đó là những lợi thế mà Việt Nam có thể sử dụng để đạt được khả năng cạnh tranh cao trong cơ chế REDD+ trên trường quốc tế trong tương lai.

Bốn là, lợi ích mà REDD+ đem lại rất hứa hẹn và khả năng huy động nguồn tài trợ lớn từ các quốc gia và tổ chức quốc tế cho việc thực hiện REDD+ ở Việt Nam. Với hiện trạng tài nguyên rừng, đất lâm nghiệp, chính sách bảo vệ và phát triển rừng toàn quốc, Việt Nam có tiềm năng to lớn trong việc thực hiện REDD+, xét về cả góc độ môi trường và kinh tế - xã hội. Cùng với chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) việc thực hiện REDD+ sẽ đem lại các nguồn lực tài chính mới, hỗ trợ quản lý bền vững tài nguyên rừng, cải thiện đời sống cộng đồng địa phương và thúc đẩy việc thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát triển rừng. Nhận thức được tầm quan trọng của rừng trong việc giảm thiểu biến đổi khí hậu cũng như lợi ích nhận được khi tham gia REDD+, Việt Nam đã tích cực tham gia tất cả các chương trình lớn của cộng đồng quốc tế về REDD+ trong đó phải kể đến Chương trình UN-REDD và Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên tham gia.

### 3.2. Khó khăn và thách thức khi thực hiện REDD+ ở Việt Nam

Khi thực hiện REDD+ các quốc gia đang phát triển có rừng phải thực hiện các chính sách giảm và thậm chí là xóa bỏ tình trạng chặt rừng, suy thoái rừng và làm tăng trữ lượng cacbon; đổi lại, những quốc gia này sẽ được hưởng lợi về mặt tài chính từ chính phủ hoặc khu vực kinh doanh của các nước phát triển (những nước cần bồi hoàn lượng phát thải họ tạo ra). Về mặt lý thuyết, dường như đây là quá trình đơn giản nhưng trên thực tế việc thực hiện lại vô cùng khó khăn do có rất nhiều rào cản về kỹ thuật, chính sách và tổ chức mà các quốc gia đang phát triển phải vượt qua. Các khó khăn và thách thức cho thực hiện REDD+

ở Việt Nam có thể được chia thành 03 nhóm: (i) Các vấn đề về kỹ thuật; (ii) Các vấn đề về thể chế, chính sách; (iii) Các vấn đề về tổ chức và năng lực thực thi.

*Thứ nhất*, các yêu cầu về kỹ thuật của REDD+ rất cao và phức tạp trong khi năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ và nhân viên thực thi còn rất hạn chế.

REDD+ yêu cầu rất cao về kỹ thuật trong giám sát (Monitoring), đo đạc, báo cáo và kiểm chứng cacbon (MRV) và kiểm kê khí nhà kính, trong khi chúng ta thiếu cơ sở số liệu tổng hợp và năng lực về kỹ thuật để thực hiện. Nhìn chung các hoạt động giám sát độ che phủ rừng ở Việt Nam còn mang tính ngắn hạn và thiếu tính liên tục, không có chương trình dài hạn, hệ thống và toàn diện (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2006). Ngoài ra, một nội dung kỹ thuật rất phức tạp của REDD+ đó là xây dựng mức phát thải tham chiếu (REL- Reference Emission Level) và xây dựng kịch bản trên cơ sở đó xác định mức đền đáp cho quốc gia hay dự án nếu lượng phát thải giảm đi.

Một khó khăn nữa về mặt kỹ thuật đó là vấn đề chuyển đổi địa điểm phát thải và yêu cầu về các cơ chế giảm 'rò rỉ' với hai nguyên nhân 'rò rỉ' được xác định ở Việt Nam là khai thác gỗ bất hợp pháp trong nước và xuyên biên giới hoặc khu vực; chuyển đổi đất lâm nghiệp sang trồng cây công nghiệp (Hoàng và các cộng sự, 2010). Các nguyên tắc về giảm 'rò rỉ' ngày càng rõ ràng hơn và REDD+ có thể sẽ phải được thực hiện ở cấp quốc gia để tránh các vấn đề có liên quan đến rò rỉ. Theo cách thức này nguồn tài chính sẽ được đưa về cấp quốc gia, sau đó phân bổ cho các đối tượng được hưởng lợi từ REDD+. Đây là một thách thức vì báo cáo thực thi cấp quốc gia sẽ phức tạp hơn rất nhiều so với báo cáo thực thi tại hiện trường do phải bao trùm toàn bộ lâm phận quốc gia và có liên quan đến các quốc gia mà chúng ta có hoạt động xuất nhập khẩu gỗ. Với các vấn đề về kỹ thuật nêu trên, REDD+ đòi hỏi nhiều

kỹ năng chuyên môn mới như đo tính trữ lượng các-bon dưới mặt đất, xác định lượng phát thải khí nhà kính, đánh giá và thẩm định tín chỉ các-bon, kế toán các-bon...trong khi kiến thức và kỹ năng của đội ngũ cán bộ chuyên môn còn rất hạn chế.

*Thứ hai*, sự bất cập của hệ thống chính sách về REDD+ do một số chính sách hiện hành không phù hợp và nhiều chính sách mới cần phải xây dựng để đáp ứng được yêu cầu quốc tế.

Mỗi quan tâm về hệ thống chính sách có liên quan đến thực thi REDD+ chủ yếu tập trung vào ba khía cạnh của khung phân tích 3E's là hiệu lực (effectiveness), hiệu quả (efficiency) và công bằng (equity) với các câu hỏi cụ thể như sau: (i) hệ thống chính sách hiện hành nói chung và chính sách về REDD+ nói riêng có thật sự làm giảm mất rừng và suy thoái rừng hay không? (ii) REDD+ có thể được thực hiện với chi phí hợp lý nhất hay đạt hiệu quả chi phí hay không? (iii) các chi phí và lợi ích từ REDD+ có được chia sẻ công bằng giữa các bên tham gia và đặc biệt là người nghèo và các đối tượng dễ bị tổn thương có thật sự được hưởng lợi từ các chính sách này hay không?

Các vấn đề về chính sách để thực hiện REDD+ ở Việt Nam chủ yếu do những bất cập của các chính sách và quy định hiện hành trong đó nổi bật là các quy định về chia sẻ lợi ích. Đây là một khó khăn rất lớn đối với các quốc gia đang phát triển tiến tới thực hiện REDD+ bởi vì khác với các khó khăn mang tính kỹ thuật hệ thống phân chia lợi ích cần phải giải quyết các vấn đề quản trị nhạy cảm với bốn nguyên tắc trách nhiệm giải trình, minh bạch, sự tham gia và quy định của luật pháp. Mặt khác, Việt Nam có nhiều loại rừng, nhiều chủ thể tham gia quản lý, bảo vệ, phát triển và hưởng lợi từ rừng, dẫn đến xây dựng cơ chế thực hiện và hưởng lợi rất phức tạp (Phạm và các cộng sự, 2012).

Các quy định về đảm bảo an toàn (safeguards) khi thực hiện REDD+ của Công ước khung của Liên hiệp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC), Chương trình UN-REDD, Quỹ đối tác các-bon trong lâm nghiệp (FCPF-Forest Carbon Partnership Facility) và các nhà tài trợ khác chưa được nghiên cứu và hướng dẫn thực thi ở Việt Nam (Tổng cục Lâm nghiệp, 2013). Quy định về đảm bảo an toàn là các biện pháp bảo vệ, chống lại, giảm thiểu các thiệt hại hoặc gia tăng lợi ích về xã hội và môi trường khi thực thi REDD+. Đây là yêu cầu mang tính bắt buộc nhằm đảm bảo tính khả thi và tương thích giữa các can thiệp với điều kiện địa phương về văn hoá, xã hội và môi trường hay sự lành mạnh về xã hội và môi trường khi thực thi sáng kiến REDD+. Trong số các cơ chế đảm bảo mà chúng ta phải xây dựng và thực hiện thì đảm bảo về xã hội và chính trị là vấn đề đáng quan tâm. Đó là các đảm bảo về quản trị, quyền sở hữu rừng và quyền các-bon, sự tham gia của các chủ thể, công bằng giới và trao quyền cho phụ nữ, người dân bản địa và trao quyền cho người dân bản địa và đặc biệt là quyền đồng thuận trước dựa trên nguyên tắc tự nguyện và được cung cấp đủ thông tin (FPIC). Đây thật sự là những vấn đề khó từ cách tiếp cận, xác định cách thức đến thực thi do rất nhạy cảm và liên quan đến hệ thống luật pháp và chính trị quốc gia cũng như đặc thù về văn hoá, xã hội của mỗi địa phương.

*Thứ ba*, hạn chế về tổ chức, phương pháp tiếp cận ở cấp quốc gia và năng lực thực thi, phối kết hợp giữa các cơ quan và chính quyền địa phương các cấp trong thực hiện REDD+.

Việc xây dựng hệ thống tổ chức, quản lý, điều phối REDD+ từ cấp Trung ương đến địa phương có đủ năng lực là một trong những điều kiện tiên quyết để các nhà tài trợ xem xét hỗ trợ Việt Nam. Tuy nhiên hệ thống tổ chức thực hiện REDD+ ở cấp trung ương mới được thành lập, năng lực điều phối, quản lý và huy

động nguồn lực thực hiện REDD+ còn yếu và thiếu. Hệ thống tổ chức thực hiện REDD+ ở cấp địa phương chưa được thành lập và đi vào hoạt động theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ. Việc quản lý một khoản tiền lớn của các nhà tài trợ để thực hiện và thí điểm REDD+ là một thách thức lớn đối với chính quyền địa phương do còn thiếu các thủ tục giải trình và minh bạch, dễ dẫn đến việc chi tiêu và phân bổ ngân quỹ không hợp lý, chính xác và công bằng. Nhận thức của các cấp, các ngành, các chủ rừng và cộng đồng địa phương về REDD+ còn nhiều bất cập và chưa đầy đủ dẫn đến sự phối kết hợp giữa các cơ quan và chính quyền địa phương các cấp với các nhà tài trợ chưa thật sự hiệu quả (Tổng cục Lâm nghiệp, 2013).

### **3.3. Những vấn đề đặt ra đối với chính sách lâm nghiệp Việt Nam**

Để có thể thực hiện REDD+ hiệu quả chính sách lâm nghiệp của Việt Nam cần phải điều chỉnh nhằm giải quyết những vấn đề cơ bản sau đây:

Một là, chính sách lâm nghiệp phải xây dựng được hệ thống chia sẻ lợi ích (BDS-Benefit Distribution System) công bằng và hài hoà để khuyến khích các hoạt động quản lý rừng bền vững, đạt được mục tiêu giảm phát thải và nâng cao khả năng tích trữ các-bon của rừng. Việc thực hiện REDD+ ở Việt Nam sẽ có tác động rất sâu và rộng đối với việc quản lý và sử dụng tài nguyên rừng và có thể tác động tới hàng triệu hộ gia đình và cộng đồng địa phương sống dựa vào rừng. Các công ty lâm nghiệp và ban quản lý rừng (phòng hộ và đặc dụng) hiện đang quản lý diện tích rừng khá lớn ở Việt Nam nhưng lại thực hiện giao khoán một phần diện tích cho người dân và cộng đồng địa phương quản lý, bảo vệ và sử dụng rừng. Vì vậy việc xây dựng một hệ thống chia sẻ lợi ích đảm bảo hài hoà lợi ích của các bên liên quan và có tính thực tiễn cao là hết sức cần thiết trong bối cảnh thực hiện REDD+ ở Việt Nam.

Hai là, chính sách lâm nghiệp cần phải xây dựng một cơ chế giải quyết khiếu nại và giám sát với sự tham gia của các đoàn thể, tổ chức xã hội dân sự, người dân bản địa và các tổ chức phi chính phủ độc lập. Đối với một hệ thống chia sẻ lợi ích, khiếu nại là không thể tránh khỏi ngay cả khi nó mang lại những hiệu quả to lớn tới cộng đồng (Chương trình UN-REDD, 2010), chính vì vậy cần có cơ chế thích hợp và hiệu quả để đối phó với các vấn đề về khiếu nại một cách kịp thời. Ngoài ra cơ chế giám sát với sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự và cộng đồng sẽ giúp đạt được các mục tiêu về hiệu lực, hiệu quả và công bằng trong thực thi REDD+ và các đảm bảo về xã hội như quyền sở hữu rừng và quyền các-bon, công bằng giới và trao quyền cho phụ nữ, người dân bản địa và đặc biệt là Quyền đồng thuận trước dựa trên nguyên tắc tự nguyện và được cung cấp đủ thông tin (FPIC).

Ba là, ngoài việc phải hoàn thiện hệ thống chính sách hiện hành thì Việt Nam cần phải xây dựng mới một số chính sách nhằm đáp ứng yêu cầu quốc tế như các chính sách về tổ chức; về quản lý rừng và đất đai; quy trình đánh giá thẩm định và quy định về quyền các-bon; quản lý các dự án REDD+; và quản lý tài chính và thực hiện chi trả REDD+. Quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách nêu trên đòi hỏi phải có thời gian và rất tốn kém do những đặc thù về hệ thống chính trị và quy trình xây dựng luật pháp nhưng đây lại là yêu cầu cấp bách trước khi thực hiện REDD+ đối với Việt Nam. Người mua tín chỉ các-bon trong REDD+ là các tổ chức nước ngoài với mức giá được xác định trên thị trường quốc tế và vận hành theo quy luật thị trường. Do đó, việc hoàn thiện khung pháp lý cho REDD+ ngoài việc phải phân tích cẩn trọng các thể chế hiện hành của Việt Nam thì cần phải đánh giá và dự báo được cung, cầu của thị trường các-bon quốc tế trong tương lai.

Bốn là, chính sách lâm nghiệp cần phải xây

dựng cơ chế nhằm làm giảm các chi phí giao dịch thông qua thu hút sự tham gia của các cộng đồng địa phương vào các hoạt động giám sát thích hợp. Các chi phí cho thực hiện đo đạc, báo cáo và kiểm chứng các-bon (MRV) rất tốn kém và có thể chiếm tới 60% tổng chi phí của một dự án. Hiện tại các chi phí khổng lồ này do các nhà tài trợ chi trả nhưng đây sẽ là vấn đề lớn khi các quốc gia thực hiện REDD+ phải tự trang trải các khoản này. Nhiều tổ chức quốc tế đã phát triển các công cụ đo tính và giám sát các-bon có sự tham gia và thực hiện thí điểm ở một số quốc gia. Tuy nhiên việc áp dụng các công cụ này ở Việt Nam còn rất hạn chế do những rào cản về chính sách và thể chế trong đó cơ chế hiện hành vẫn nhấn mạnh vào sử dụng nhân sự của chính phủ mà chưa quan tâm thỏa đáng đến vai trò của cộng đồng, các tổ chức phi chính phủ và chính quyền địa phương. Việc xây dựng cơ chế này sẽ góp phần làm giảm đáng kể chi phí đồng thời có thêm sự cam kết chặt chẽ của cộng đồng địa phương khi tham gia vào REDD+.

#### **IV. KẾT LUẬN**

Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên tham gia ký kết Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và triển khai sáng kiến REDD+. Có thể thấy cơ hội và triển vọng cho REDD ở Việt Nam là rất lớn. Tuy nhiên tiềm năng có biến thành hiện thực hay không phụ thuộc rất nhiều vào năng lực thực thi của

quốc gia và sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế để chúng ta nắm bắt cơ hội và vượt qua được các khó khăn và thách thức khi thực hiện REDD+. Những thách thức chính của Việt Nam chính là các yêu cầu về kỹ thuật, thể chế chính sách và năng lực tổ chức mà chúng ta phải đáp ứng khi thực hiện REDD+. Nghiên cứu cũng đã chỉ ra những vấn đề mà chính sách lâm nghiệp của Việt Nam phải giải quyết để có thể thật sự được hưởng lợi từ sáng kiến REDD+ và đạt được mục tiêu giảm phát thải thông qua giảm suy thoái rừng và mất rừng mà các quốc gia đang hướng tới.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2006). *Báo cáo tình trạng môi trường Việt Nam*. MONRE, Hà Nội, Việt Nam.
2. Chương trình UN-REDD (2009). *Thiết kế hệ thống chia sẻ lợi ích REDD tại Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam.
3. Chương trình UN-REDD (2010). *Nghiên cứu tiếp về thiết kế hệ thống chia sẻ lợi ích về REDD ở Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam.
4. Hoàng, M.H., Phạm, T.T., Đỗ, T.H. và Thomas, D (2010). *Đánh giá các phương án giảm phát thải từ tất cả các hình thức sử dụng đất ở Việt Nam - chuẩn bị cho REDD+*. Tổ chức Nông Lâm thế giới. Hà Nội, Việt Nam.
5. Phạm, T.T., Moeliono, M., Nguyễn, T. H., Nguyễn, H. T. và Vũ, T. H (2012). *Bối cảnh REDD+ ở Việt Nam- Nguyên nhân, đối tượng và thể chế*. Báo cáo chuyên đề 77, CIFOR.
6. Tổng cục Lâm nghiệp (2013). *Văn kiện dự án Sẵn sàng thực hiện REDD+ ở Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam.

## **CHALLENGES OF REDD+ IMPLEMENTATION AND FOREST POLICY ISSUES IN VIETNAM**

**Tran Thi Thu Ha**

### **SUMMARY**

REDD + initiative is a mechanism to provide financial rewards for avoiding deforestation and forest degradation while providing the stimulus for sustainable forest management; conserving biodiversity and ecosystem services; improving livelihoods for local people and local communities who depend on forests in developing countries. The research using secondary sources of information on related issues to assess the challenges in implementation of REDD + and propose issues of forest policy in Vietnam must solve in order to implement and benefit from REDD +. The results of the research have initially suggest the problem of forest policy should continue to study and address in the context of REDD + implementation in Vietnam. The key issues are on benefit sharing, environmental and social safeguards, carbon rights, financial management mechanism of REDD + projects and attract the participation of communities and local people in forest management and protection.

**Keywords:** *Climate change, REDD+, forest policy.*

**Người phản biện** : **TS. Phạm Văn Hội**

**Ngày nhận bài** : **22/12/2014**

**Ngày phản biện** : **13/01/2015**

**Ngày quyết định đăng** : **15/3/2015**